

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MOFSTECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MOFSTECH  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOFSTECH TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY  
Tên công ty viết tắt: MOFSTECH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110633580

**3. Ngày thành lập:** 28/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số Nhà 10A, Ngách 20 Ngõ 691 Đường Bát Khối, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973461422

Fax:

Email: [vthtam@gmail.com](mailto:vthtam@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                          | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                 | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                 | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                            | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm bán đấu giá tài sản) | 4610        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác                     | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                             | 4649        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                | 4659(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                          | 4663 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 11. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9522 |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Mua bán nhà, công trình xây dựng<br>- Cho thuê nhà, công trình xây dựng<br>- Cho thuê mua nhà, công trình xây dựng<br>- Chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất                                                                                                                                       | 6810 |
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn bất động sản<br>- Quản lý bất động sản<br>- Môi giới bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản                                                                                                                                                                                                                                  | 6820 |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ<br>(Không bao gồm bán đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 16. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ. | 4784 |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3320 |

|     |                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá<br>Chi tiết:<br>- Phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí<br>- Sản xuất nước đá | 3530 |
| 19. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                         | 3600 |
| 20. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                             | 3700 |
| 21. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                         | 4101 |
| 22. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                   | 4102 |
| 23. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                              | 4212 |
| 24. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                  | 4221 |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                       | 4222 |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                | 4299 |
| 27. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)                                                                                                        | 4311 |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)                                                                                             | 4312 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                     | 4321 |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4752 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGÔ BÌNH<br>TRIỆU | Thôn Cầu, Xã Lạc<br>Đạo, Huyện Văn<br>Lâm, Tỉnh Hưng<br>Yên, Việt Nam                                                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.400.0<br>00 | 44.000.000.000           | 44,000       | 0330850007<br>82                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Tổng số                            | 4.400.0<br>00 | 44.000.000.000           | 44,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | HÀ ANH<br>TÙNG    | Căn hộ 2202<br>CT7H, KĐT<br>Dương Nội,<br>đường Tố Hữu,<br>Phường Dương<br>Nội, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 500.000       | 5.000.000.000            | 5,000        | 0250890003<br>77                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                | Tổng số                            | 500.000       | 5.000.000.000            | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                             |                                    |               |                |        |                  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|
| 3 | VŨ THỊ<br>THANH TÂM | số nhà 1069, phố<br>Ngô Gia Tự,<br>Phường Đức<br>Giang, Quận<br>Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.100.0<br>00 | 51.000.000.000 | 51,000 | 0381890001<br>41 |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                             | Tổng số                            | 5.100.0<br>00 | 51.000.000.000 | 51,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                             |                                    |               |                |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **VŨ THI THANH TÂM**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/11/1989

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038189000141

Ngày cấp: 18/11/2021      Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *số nhà 1069, phố Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *số nhà 1069, phố Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội